TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày 27 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Khang

2. Bà Dương Thị Vui

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Công Trình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Q - Sinh năm 1999, tại tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 3, HTX Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tuấn sinh năm 1976 và bà Đoàn Thị Chanh sinh năm 1979, hiện cả hai đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Vợ, con: Không. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Văn Q đầu thú, tạm giữ từ ngày 06/12/2021 đến ngày 15/12/2021 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

2. Lê Văn Th - Sinh năm 1999, tại tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 6, HTX Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th sinh năm 1952 và bà Vũ Thị Nhiệm sinh năm 1968. Hiện cả hai đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Vợ, con: Không. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Văn Th bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 06/12/2021 đến ngày 15/12/2021 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

+ Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn Th - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm 3, HTX Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh N.

2. Anh Trần Văn H - Sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm 3, HTX Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 01/12/2021, Trần Văn Q liên lạc qua mạng Zalo cho một người không biết tên, tuổi, địa chỉ đặt mua 02 hộp pháo hoa nổ, loại 49 quả với giá 1.500.000 đồng và 08 hộp pháo hoa nổ, loại 36 quả với giá 1.300.000 đồng, mục đích để đốt trong dịp tết Nguyên Đán. Đến khoảng 19 giờ, ngày 03/12/2021, người bán pháo và Q hẹn nhau đến khu vực nghĩa trang nhân dân thuộc xóm 3, HTX Phú Thọ, xã N, huyện N để giao tiền. Q đưa cho người này 13.400.000 đồng và người này hẹn Q đến ngày 04/12/2021 sẽ giao toàn bộ số pháo. Tối cùng ngày, Lê Văn Th đến nhà Q chơi. Q nhờ Th đi lấy hộ số pháo trên đem về nhà Th cất giấu, để đốt trong dịp tết Nguyên đán. Th đồng ý, Q đưa cho Th 300.000 đồng để trả phí giao hàng. Khoảng 15 giờ, ngày 04/12/2021, người bán pháo gọi điện thoại cho Q qua mạng Zalo hẹn giao trước 08 hộp pháo hoa nổ, loại 36 quả còn 02 hộp pháo hoa nổ, loại 49 quả sẽ giao vào ngày 05/12/2021. Q dùng số thuê bao 0981.131.843 gọi điện cho Th qua số thuê bao 0834.693.039 hẹn Th đến cổng chào thuộc đội 1, HTX Phú Thọ, xã N để nhận pháo. Đến nơi, Th nhận của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ 02 thùng bìa catton hình hộp chữ nhật, kích thước (32x21x16) cm bên trong chứa 08 vật hình hộp chữ nhật, kích thước (14x14x10) cm, loại 36 ống hình trụ kết lại, vỏ giấy màu, trên vỏ có chữ nước ngoài và đưa cho người này 200.000 đồng tiền phí giao hàng, sau đó đem số pháo trên về nhà cất giấu. Đến khoảng 17 giờ, ngày 05/12/2021, người bán pháo gọi điện qua mạng Zalo cho Q để giao nốt 02 hộp pháo hoa nổ còn lại. Q dùng số thuê bao 0981.131.843 gọi điện cho Th qua số thuê bao 0332.928.969 hẹn Th đến đầu đường dong thuộc xóm 3, HTX Phú Thọ, xã N để nhận pháo. Đến nơi, Th nhận của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 thùng bìa catton hình hộp chữ nhật, kích thước (24,5x19x18) cm bên trong chứa 02 vật hình hộp chữ nhật, kích thước (16x16x10) cm, loại 49 ống hình trụ kết lại, vỏ giấy màu, trên vỏ có chữ nước ngoài và đưa cho người này 100.000 đồng tiền phí giao hàng. Khi Th đang vận chuyển 02 hộp pháo hoa nổ, loại 49 quả đem đi cất giấu thì bị tổ công tác Công an huyện Nghĩa Hưng phát hiện bắt quả tang vào khoảng 18 giờ ngày 05/12/2021, tại đường dong thuộc xóm 3, HTX Phú Thọ, xã N. Thu giữ 01

thùng bìa catton hình hộp chữ nhật, kích thước (24,5x19x18) cm và 02 vật hình hộp chữ nhật có đặc điểm nêu trên (Niêm phong kí hiệu M1), 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA AirBlade, biển số 18L1-481.25, màu đen vàng, đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màu xanh đen, lắp sim số 0834.693.039 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu trắng, lắp sim số 0332.928.969. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn Th thu giữ 02 thùng bìa catton hình hộp chữ nhật, kích thước (32x21x16) cm và 08 vật hình hộp chữ nhật có đặc điểm nêu trên (Niêm phong kí hiệu M2). Ngày 06/12/2021, Q đã đến Công an huyện N đầu thú và khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai nhận chiếc điện thoại lắp sim 0981.131.843 Q dùng liên lạc với Th để đi nhận pháo, Q đã làm rơi mất và không nhớ địa điểm cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng không thu giữ được.

Tại bản kết luận giám định số: 1540/KTHS ngày 10/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Mẫu ký hiệu M1 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), tổng khối lượng là 3,101 kg; Mẫu ký hiệu M2 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), tổng khối lượng là 10,074 kg. Tổng khối lượng các mẫu ký hiệu M1 và M2 là 13,175 kg.

Bản cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Trần Văn Q và Lê Văn Th về tội "Tàng trữ hàng cấm" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, cụ thể: Trần Văn Q xếp ở vị trí thứ nhất trong vụ án; Lê Văn Th xếp ở vị trí thứ hai trong vụ án; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn Q áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt Trần Văn Q từ 12 tháng đến 15 tháng tù; xử phạt Lê Văn Th từ 09 tháng đến 12 tháng tù; đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tịch thu tiêu hủy sim số 0834.693.039; sim số 0332.928.969 và 03 thùng bìa catton và toàn bộ số pháo mà Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh N đã hoàn trả sau giám định. Đề nghị áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nói lời sau cùng

đã thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy có đủ cơ sở xác định: Ngày 01/12/2021, Trần Văn Q mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ 13,175 kg pháo nổ với giá 13.400.000 đồng, mục đích để đốt trong dịp tết Nguyên đán. Tối ngày 03/12/2021, Q nhờ Lê Văn Th đi lấy hộ số pháo trên đem về nhà Th cất giấu, Th đồng ý. Ngày 04/12/2021, Th nhận hộ Q 10,074 kg pháo nổ đem về nhà cất giấu. Đến khoảng 18 giờ ngày 05/12/2021, khi Th đang vận chuyển 3,101 kg pháo nổ còn lại đem về nhà cất giấu thì bị tổ công tác Công an huyện N phát hiện bắt quả tang tại đường dong thuộc xóm 3, HTX Phú Thọ, xã N. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tới chế độ quản lý của Nhà nước về pháo nổ, xâm phạm trật tự trị an, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân mà cố ý thực hiện. Đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự thấy có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Trần Văn Q và Lê Văn Th đã phạm tội "Tàng trữ hàng cấm" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo đã gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai lên án xử lý nghiêm minh là cần Thết, nhằm góp phần tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét vị trí, vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Trần Văn Q là người trực tiếp giao dịch mua pháo nên Trần Văn Q xếp vị trí thứ nhất trong vụ án. Lê Văn Th là người trực tiếp vận chuyển, cất

dâu pháo nổ cho Trần Văn Q nên xếp ở vị trí thứ hai trong vụ án.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã khai báo thành khẩn, có sự ăn năn hối cải , các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn Q đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần Thết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập trung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà cho thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô; 02 điện thoại di động thu giữ của Lê Văn Th, qua điều tra xác định xe mô tô là xe Th mượn của anh Mai Văn K; 02 điện thoại di động là điện thoại Th mượn của ông Lê Văn Th; anh K và ông Th không biết việc Th dùng xe mô tô và 02 chiếc điện thoại di động để liên lạc, vận chuyển nhận pháo nổ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh K và ông Th là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại lắp sim 0981.131.843 mà Q sử dụng liên lạc với Th để đi nhận pháo, Q đã làm rơi mất và không nhớ địa điểm cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không thu giữ được.

Đối với 03 thùng bìa Catton; sim số 0834.693.039; sim số 0332.928.969 và toàn bộ số pháo cùng bao gói mà Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với người đàn ông bán pháo hoa nổ cho Trần Văn Q, hiện chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc xử lý vụ án là

phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn Q áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q, Lê Văn Th phạm tội "Tàng trữ hàng cấm".

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 12 năm 2021

3. Xử phạt bị cáo Lê Văn Th 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Sim số 0834.693.039 và sim số 0332.928.969; 02 thùng bìa catton hình hộp chữ nhật, kích thước (32x21x16) cm (vỏ thùng bên trong không có gì); 01 thùng bìa catton hình hộp chữ nhật, kích thước (24,5x19x18) cm (bên trong không có gì); 01 thùng bìa catton kích thước 33x18,5x11,5 cm, tại các mép thùng được dán niêm phong và có chữ ký các thành viên liên quan, bên trong chứa 02 hộp pháo hoa nổ, vỏ giấy màu, gồm 49 quả hình trụ kết lại, mỗi giàn có kích thước (16x16x10) cm (đã trích 02 quả trong mỗi giàn); 01 thùng bìa catton kích thước 41x31x20 cm tại các mép thùng được dán niêm phong và có chữ ký các thành viên liên quan, bên trong chứa 08 hộp pháo hoa nổ, vỏ giấy màu, gồm 36 ống hình trụ kết lại, kích thước (14x14x10) cm, (đã trích 02 quả trong mỗi giàn) mà Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N hoàn trả lại sau giám định.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục Th hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 13/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Th hành án dân sự huyện N.

6. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Trần Văn Q, Lê Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người phải Th hành án và người được Th hành án có quyền thoả thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, quyền tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Th hành án phạt tù;
- Án văn + lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng